**KẾ HOẠCH BÀI DẠY TUẦN 10**

**MÔN: TIẾNG VIỆT**

**Tiết: Luyện tập**

**T69. TỪ CHỈ ĐẶC ĐIỂM. CÂU KHIẾN**

**I. Yêu cầu cần đạt:**

**1. Kiến thức , kĩ năng**

- Tìm được từ chỉ đặc điểm trong đoạn thơ. Nhận biết được câu khiến ( nêu được dấu hiệu nhận biết); đặt được câu khiến trong cá tình huống khác nhau.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia đọc trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết yêu quê hương, đất nước qua bài thơ.

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bà và những người thân qua bài thơ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ đọc bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. Đồ dùng dạy học.**

- Máy soi, PBT

**III. Hoạt động dạy học.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động mở đầu (3-5’)** | |
| - GV tổ chức trò chơi “ Em yêu truyện cổ nước mình “ để khởi động bài học.  + Em đã làm những việc gì để thể hiện tình cảm yêu thương đối với người thân của em?  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi.  - HS lắng nghe. |
| **II. Hoạt động luyện tập, thực hành (26-28’)** | |
| **Bài 1: Tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ dưới đây:**  **-** Gv nhấn mạnh yêu cầu  - Yêu cầu H làm PBT   * HS trình bày trước lớp.   - GV soi bài  - GV nhận xét, chốt đáp án: dịu dàng, đảm đang, tần tảo, vụng về   * GV giải nghĩa: đảm đang, tần tảo   -Gv và hs nhận xét, chốt: Từ chỉ đặc điểm là những từ ngữ chỉ tính cách, tính nết,..của sự vật. | * HS đọc yêu cầu của bài   - HS đọc thầm đoạn thơ  - 2 HS đọc trước lớp  - Nhóm đôi trao đổi tìm từ chỉ đặc điểm có trong đoạn thơ  - H trình bày  -HS tìm thêm từ chỉ đặc điểm khác |
| **Bài 2: Ghép mỗi câu sau với kiểu câu thích hợp**  **-** Gv nhấn mạnh yêu cầu   * GV nhắc lại công dụng của câu kể, câu cảm, câu khiến. * HS trả lời trước lớp * Gv và HS chốt câu trả lời đúng:   *Chị xóa dòng...(câu khiến)*  *A, bố rất đẹp...(câu cảm)*  *Chị cắm cúi viết.......(câu kể)*  - Gv và hs nhận xét – tuyên dương | -HS đọc yêu cầu của bài   * HS đọc từng câu và đối chiếu với 3 kiểu câu để chọn câu phù hợp. |
| **Bài 3: Nêu dấu hiệu nhận biết câu khiến**   * Gv nhấn mạnh yêu cầu * GV cho HS đọc, phân tích câu khiến ở bài tập 2. * HS đại diện trình bày trước lớp.   - GV và HS chốt đáp án: Cuối câu có dấu chấm than và có từ “đi”   * Gv nhận xét, chốt: Câu khiến là câu nêu yêu cầu, đề nghị của người nói. Trong câu thường có các từ: hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé,... | * HS đọc yêu cầu bài tập 3 * Hs làm việc cá nhân * HS trao đổi theo nhóm 2: Tìm dấu hiệu nhận biết câu khiến trong câu trên. * Hs nhận xét |
| **Bài 4: Sử dụng các từ *hãy, đừng, chớ, đi, thôi, nào, nhé*  để đặt câu khiến trong mỗi tình huống dưới đây:**   * GV và HS cùng phân tích:   + 1 HS đọc tình huống  + 2 HS đọc câu mẫu  + Gv nêu câu hỏi- HS trả lời mẫu   * GV hướng dẫn Hs làm bài cá nhân vào vở   - Gv soi bài chữa bài trên bảng lớp.  - Gv và hs nhận xét khen ngợi HS làm bài đúng. Chốt lại nội dung cần nhớ trong bài học.  **III. Củng cố - Vận dụng**   * Em học được gì qua giờ học? * NX, đánh giá tiết học | -Hs đọc lại yêu cầu của bài và các tình huống, đặt câu với mỗi tình huống.   * Hs làm vào vở . |